

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 12-4-2023

V/v “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên Ông Lê Văn Quỳnh.
tòa: Ông Phan Hòa
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Xuân - Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2023 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Tạ Thị T, sinh năm 1995;

Địa chỉ cư trú: **Xóm G C, xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An**; vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Đào Quang T1, sinh năm 1996;

Địa chỉ cư trú trước xuất cảnh: **Xóm G C, xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An**;

Hiện đang cư trú tại: Cộng hòa liên bang Đ; vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn yêu cầu thu thập chứng cứ, đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị Tạ Thị T trình bày:

Chị và anh Đào Quang Toàn kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình vào ngày 24 tháng 01 năm 2018. Sau khi kết hôn thì đến giữa năm 2018, anh T1 đi xuất khẩu lao động tại Cộng hòa liên bang Đ. Thời gian đầu vợ chồng còn liên lạc, nhưng sau đó do mâu thuẫn nên vợ chồng không còn liên lạc với nhau nữa. Nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm sống, tính cách của hai người khác nhau; anh T1 không có trách nhiệm với vợ con nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, dẫn đến tình cảm vợ chồng dần mất đi. Hiện tại, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị nộp đơn yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đào Quang Toàn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Đào Quang Duy T2, sinh ngày 07/3/2018. Hiện con chung đang ở với chị và được chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Nếu vợ chồng ly hôn, chị có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung đến lúc trưởng thành và không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Tạ Thị Tuyết h đang cư trú tại tỉnh Nghệ An, Việt Nam nhưng do bận công việc nên chị không thể tham gia phiên tòa được và chị có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn anh Đào Quang Toàn, hiện đang ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã cấp, tổng đạt, thông báo, niêm yết đầy đủ, hợp lệ các văn bản tố tụng qua thân nhân của anh Đào Quang Toàn là bà Trần Thị H (mẹ của anh T1) đến lần thứ hai mà thân nhân của anh T1 cũng không cung cấp địa chỉ của anh T1 ở nước ngoài cho Tòa án biết. Đồng thời, cho đến nay anh T1 cũng không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án và vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc thu thập chứng cứ và xét xử vụ án vắng mặt các đương sự bảo đảm tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án bà Trần Thị H (mẹ của anh T1) có đơn trình bày: Anh Đào Quang T1 là con đẻ của bà, anh T1 và chị Tạ Thị T kết hôn vào năm 2018, có 01 con chung. Sau khi kết hôn một thời gian thì anh T1 đi xuất khẩu lao động sang Cộng hòa liên bang Đ cho đến nay. Anh T1 thường xuyên liên lạc điện thoại về gia đình nhưng không nói rõ địa chỉ nên bà không thể cung cấp địa chỉ của anh T1 ở nước ngoài cho Tòa án

được. Sau khi nhận được các văn bản của Tòa án, bà đã thông tin cho anh T1 biết việc chị T nộp đơn ly hôn anh T1 tại Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An thì anh T1 không có ý kiến gì. Việc anh Đào Quang Toàn vắng mặt được xác định là cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Tạ Thị T, cho chị T được ly hôn với anh Đào Quang Toàn. Về con chung: Đề nghị giao cho chị T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Đào Quang Duy T2, sinh ngày 07/3/2018 đến lúc đủ 18 tuổi, trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con: Hiện tại, chị T không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị không xem xét, giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Chị T chưa yêu cầu và anh T1 chưa có ý kiến nên đề nghị không xem xét, giải quyết trong vụ án này. Dành quyền khởi kiện cho các đương sự bằng một vụ án khác khi có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Vụ án ly hôn không có tranh chấp con chung, tài sản chung nhưng Tòa án phải tiến hành thu thập chứng cứ nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát phải tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về thẩm quyền giải quyết: Chị Tạ Thị Tuyết h đang cư trú tại tỉnh Nghệ An đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đào Quang Toàn hiện cư trú ở nước ngoài; trước xuất cảnh, anh T1 có địa chỉ cư trú tại tỉnh Nghệ An, Việt Nam nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An theo quy định tại Điều 37, Điều 40, Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 122, Điều 123, Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình.

Về thủ tục hòa giải: Vụ án không tiến hành hòa giải được vì bị đơn anh Đào Quang Toàn không thể tham gia hòa giải được do vắng mặt tại nơi cư trú và hiện đang ở nước ngoài, Tòa án đã triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng anh T1 vẫn cố tình vắng mặt; về phía nguyên đơn chị Tạ Thị T đề nghị không tiến hành hòa giải là phù hợp với quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị Tạ Thị T đã nộp đơn khởi kiện ly hôn, đơn đề nghị thu thập chứng cứ, bản tự khai, tài liệu cho Tòa án nhưng do bận công việc nên chị không tham gia phiên tòa được và có đơn xin xét xử vắng mặt. Chị T phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về các tài

liệu và chứng cứ mà chị đã nộp cho Tòa án. Bị đơn anh Đào Quang Toàn hiện đang ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã cấp, tổng đạt, thông báo, niêm yết đầy đủ, hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T1 thông qua người thân là bà Trần Thị H (mẹ của anh T1) gồm các văn bản: Thông báo thụ lý vụ án; Công văn “Yêu cầu cung cấp địa chỉ của anh Đào Quang Toàn”; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các văn bản tố tụng khác. Đồng thời, yêu cầu anh T1 trình bày ý kiến của mình về việc chị T có đơn ly hôn. Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ hai mà thân nhân của anh T1 cũng không cung cấp địa chỉ của anh T1 ở nước ngoài cho Tòa án biết. Về phía bà Trần Thị H có đơn trình bày: Anh Đào Quang T1 là con đẻ của bà, anh T1 và chị Tạ Thị T kết hôn vào năm 2018, có 01 con chung. Sau khi kết hôn một thời gian thì anh T1 đi xuất khẩu lao động sang nước Cộng hòa liên bang Đ cho đến nay. Anh T1 thường xuyên liên lạc điện thoại về gia đình nhưng không nói rõ địa chỉ nên bà không thể cung cấp địa chỉ của anh T1 ở nước ngoài cho Tòa án được. Sau khi nhận được các văn bản của Tòa án, bà đã thông tin cho anh T1 biết việc chị T nộp đơn ly hôn anh T1 tại Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An thì anh T1 không có ý kiến gì. Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã mở phiên tòa sơ thẩm lần thứ nhất vào ngày 13/3/2023 và lần thứ hai vào ngày 12/4/2023 nhưng cả hai lần anh T1 đều vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản trình bày ý kiến cho Tòa án. Do đó, việc anh Đào Quang Toàn vắng mặt thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ; từ chối khai báo theo quy định tại Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài không rõ địa chỉ. Để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho đương sự, căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Tạ Thị T và anh Đào Quang Toàn kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình vào ngày 24 tháng 01 năm 2018, là hôn nhân hợp pháp. Theo chị T trình bày: Sau khi kết hôn thì đến giữa năm 2018, anh T1 đi xuất khẩu lao động sang nước Cộng hòa liên bang Đ. Thời gian đầu vợ chồng còn liên lạc, nhưng sau đó do mâu thuẫn nên vợ chồng không còn liên lạc với nhau nữa. Theo Công văn số 2571/QLXNC-P5 ngày 08/02/2023 của Cục Q, Bộ C cung cấp: Anh Đào Quang Toàn xuất nhập cảnh 03 lần, lần cuối xuất cảnh qua Cửa khẩu N ngày 28/7/2018, hiện chưa có thông tin nhập cảnh. Do quan điểm sống, tính cách của hai người khác nhau; anh T1 thiếu trách nhiệm với vợ con dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên tình cảm dần mất đi. Hiện tại, chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị nộp đơn yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đào Quang Toàn.

Xét thấy, hôn nhân giữa chị Tạ Thị T và anh Đào Quang Toàn đã lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị T yêu cầu giải quyết ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[3]. Về con chung: Chị Tạ Thị T và anh Đào Quang Toàn có 01 con chung. Nay ly hôn, chị T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con đến lúc trưởng thành. Nguyện vọng của chị T phù hợp với hoàn cảnh thực tế về việc nuôi con và đúng quy định của pháp luật; vì hiện nay chị T là người trực tiếp nuôi con, còn anh T1 đang ở nước ngoài và cố tình dấu địa chỉ. Căn cứ vào các Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị T. Giao cho chị Tạ Thị T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Đào Quang Duy T2, sinh ngày 07/3/2018 đến lúc đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hiện tại, chị Tạ Thị T không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Tạ Thị T không yêu cầu và anh Đào Quang Toàn chưa có ý kiến nên Tòa án không giải quyết trong vụ án này. Dành quyền khởi kiện cho các đương sự bằng một vụ án khác khi có yêu cầu.

[5]. Về án phí: Chị Tạ Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 122; Điều 123; Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ vào Điều 37; Điều 40; khoản 4 Điều 147; khoản 1, khoản 4 Điều 207; khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273; Điều 469; khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Tạ Thị Tuyết .

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Tạ Thị T được ly hôn anh Đào Quang Toàn.
2. Về con chung: Giao cho chị Tạ Thị T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Đào Quang Duy T2, sinh ngày 07/3/2018

đến lúc đủ 18 tuổi, trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con: Hiện tại, chị Tạ Thị T không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

Sau khi ly hôn, anh Đào Quang Toàn có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Tòa án không giải quyết trong vụ án này; dành quyền khởi kiện cho các đương sự bằng một vụ án khác khi có yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Tạ Thị T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng chị đã nộp đủ theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0012391 ngày 04/01/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An. Chị Tạ Thị T đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Tạ Thị T có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết. Anh Đào Quang T1 có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Quảng Châu, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Văn Quỳnh